TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 16-02-2023.
"V/v Ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh C"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Truyện.
2. Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2022, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Bà T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Ông C vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và ông C quen biết, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989; nhưng đến nay vợ chồng bà T và ông C không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2003 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã, vợ chồng không có tiếng nói chung nên giữa bà T và ông C đã tự nguyện chấm dứt mối quan hệ này. Bà T và ông C đã thật sự ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Hiện nay,

bà T xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung do mâu thuẫn trầm trọng nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên bà T yêu cầu ly hôn với ông C. Quá trình chung sống giữa bà T và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1991 và Nguyễn Phước H, sinh năm: 2001, hiện 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Tại Đơn xin vắng mặt, đề ngày 01/02/2023 bị đơn là ông Nguyễn Minh C trình bày: Ông Nguyễn Minh C thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, về việc vợ chồng không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh và chính thức ly thân cũng như về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình chung sống giữa ông C và bà T 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy An, sinh năm 1991 và Nguyễn Phước Hòa, sinh năm: 2001, hiện 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Ông C thống nhất không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc bà Nguyễn Thị T xin ly hôn với ông Nguyễn Minh C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà T và ông C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do ông C có địa chỉ thường trú tại ấp Hưng Lợi, xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Nên Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà T và ông C là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt để đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông C. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T và ông C là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh C sống chung như vợ chồng từ năm 1989, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, sự việc này do bà T trình bày, được ông C thừa nhận.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về đăng ký kết hôn:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

..."

Xét thấy, việc sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của bà T và ông C đã vi phạm quy định về đăng ký kết hôn nên hôn nhân

của ông, bà là không có giá trị pháp lý, không công nhận bà T với ông C là vợ chồng và không được pháp luật bảo vệ.

Do bà T có yêu cầu ly hôn và ông C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, nhưng vẫn áp dụng quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình để không được công nhận quan hệ hôn nhân của bà T và ông C là phù hợp với nội dung hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh C thống nhất quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1991 và Nguyễn Phước H, sinh năm: 2001, hiện 02 con chung đã trưởng thành không cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Do bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 17 Luật hộ tịch; Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh C.

2. Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008299 ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (Bà T đã nộp đủ án phí).

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho bà T và ông C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Kiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Truyện **Lê Văn Vững** **Trần Văn Kiến**